

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: Hoá chất, vật tư y tế cho Trạm Y tế phường Từ Liêm;
- Tên gói thầu: Gói thầu hóa chất, vật tư y tế;
- Chủ đầu tư: Trạm Y tế phường Từ Liêm
- Địa điểm thực hiện: Ngõ 8 Phố Huy Du Phường Từ Liêm Thành phố Hà Nội
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động khám chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung

- Tất cả các hàng hóa phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và đảm bảo chất lượng mới 100%, chưa qua sử dụng sản xuất từ năm 2025 trở về sau.
- Cam kết hàng hóa có nhãn với đầy đủ thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn mác hàng hóa.
- Cam kết Bảo quản, đóng gói, vận chuyển: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Cam kết thu hồi trong trường hợp hàng hóa bị lỗi, bị hỏng hoặc có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa do lỗi của nhà thầu, hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.
- Cam kết thu hồi hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc không sử dụng được với trang thiết bị hiện có của đơn vị thụ hưởng
- Cam kết cung cấp chứng nhận xuất xứ và chất lượng của nhà sản xuất (FSC/CO, ISO/CQ) đối với hàng nhập khẩu hoặc cam kết cung cấp chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất đối với hàng hóa trong nước.
- Cam kết hạn dùng của hàng hóa tại thời điểm giao hàng: Hạn sử dụng của hàng hóa tính từ thời điểm cung ứng đến cơ sở y tế phải đảm bảo:
 - + Tối thiểu còn ≥ 18 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ 36 tháng trở lên;

- + Tối thiểu còn ≥ 12 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ ≥ 18 tháng đến < 36 tháng;
 - + Tối thiểu còn ≥ 8 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ ≥ 12 tháng đến < 18 tháng;
 - + Tối thiểu còn ≥ 5 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ ≥ 7 tháng đến < 12 tháng;
 - + Tối thiểu còn ≥ 3 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ ≥ 4 tháng đến < 7 tháng;
 - + Tối thiểu còn ≥ 2 tháng đối với các mặt hàng có hạn sử dụng từ ≥ 3 tháng đến < 4 tháng;
 - + Tối thiểu còn ≥ 1 tháng đối với các mặt hàng có hạn sử dụng từ ≥ 2 tháng đến < 3 tháng.
 - + Đối với hàng hóa không ghi hạn sử dụng phải được sản xuất từ năm 2025 trở đi.
 - + Nếu ngoài giới hạn nói trên thì phải có sự thoả thuận đồng ý của bên mua trước khi giao hàng.
 - Cam kết Hàng hóa tham dự thầu phải đáp ứng đủ điều kiện về lưu hành theo quy định pháp luật hiện hành.
 - Cam kết chịu toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo hiểm, cất giữ trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng.
 - Cam kết hàng hóa được giao theo từng đợt theo yêu cầu của chủ đầu tư, cung cấp theo số lượng hàng hóa thực tế chủ đầu tư yêu cầu trong mỗi đợt giao hàng.
- Lưu ý:** Đối với trường hợp giấy phép lưu hành/ giấy phép nhập khẩu/ hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo đủ số lượng cung ứng theo số lượng yêu cầu tại E-HSMT và cung cấp tài liệu chứng minh (bổ sung thẻ kho/ tài liệu chứng minh hàng hóa đã được nhập khẩu vào Việt Nam trước thời điểm hết hiệu lực..).
- 2.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể**
- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Catalogue và các tài liệu có liên quan như: Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng... cho toàn bộ hàng hóa chào thầu để chứng minh hàng hóa do mình chào thầu là đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.
 - Các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà thầu nêu trong E-HSMT phải thể hiện trên catalogue và tài liệu kỹ thuật. Nhà thầu chào các TSKT của hàng hóa theo thứ tự yêu cầu và ghi rõ thông số kỹ thuật tham chiếu tại trang nào của catalogue hay tài liệu kỹ thuật.
 - Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật

và các yêu cầu khác như quy định dưới đây và là mức yêu cầu tối thiểu phải đạt hoặc chấp nhận được:

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Thông số kỹ thuật
I Vật tư hóa chất thông thường				
1	Bơm tiêm nhựa 3ml	cái	2,000	Bơm tiêm nhựa liền kim, 3ml, cỡ kim 23G, 25G. Vỏ xylanh làm bằng nhựa PP y tế, thân kim bằng thép không gỉ, không bị oxy hóa. Được đóng gói riêng biệt từng cái và được tiệt trùng
2	Bơm tiêm nhựa 5ml	cái	2,000	Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Kim làm bằng thép, sắc nhọn, cắt 3 cạnh
3	Bông thấm	kg	30	Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên, không mùi, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
4	Cồn 70 độ chai 500ml	chai	100	Dung dịch trong, màu đồng nhất. Hàm lượng Etanol ở 20°C: 70,7% (tt/tt). Hàm lượng Aldehyd, tính theo mg acetadehyd/ lít cồn 100° : 2,25 mg/l. Chai 500ml
5	Cồn 90 độ, chai 500ml	chai	10	Thành phần chính: 90% v/v Ethanol Công dụng: Sát khuẩn dụng cụ y tế, tẩy rửa, chất đốt. Dạng bào chế: Dung dịch.
6	Đè lưỡi gỗ	cái	50,000	Được làm từ gỗ tự nhiên, mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng. Kích thước khoảng: 150mm x 20mm x 2mm. Tiêu chuẩn ISO
7	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	chai	200	Thành phần tối thiểu gồm: Chlorhexidine Digluconate 0,5% (w/v); Ethanol 73% (v/v); Chất dưỡng ẩm bảo vệ da: Glycerine, Vitamin E. Dung tích: 500ml.
8	Kim chích máu	cái	200	Kim làm từ thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vô trùng.
9	Povidin 10% (500ml)	chai	20	Sát khuẩn để giúp ngăn ngừa nhiễm khuẩn ở vết cắt, vết trầy và vết bỏng nhỏ. - Sát khuẩn da trước khi phẫu thuật. - Giúp giảm các vi khuẩn có khả năng gây nhiễm trùng da.
II Vật tư hóa chất dùng trong chuyên khoa Xét nghiệm				
1	Dầu soi kính	ml	300	Dầu soi kính hiển vi. Dạng lỏng hoặc lỏng nhớt. Độ nhớt: 100-120 mPa.s(20 °C) Mật độ (D20/4): 1.015 - 1.035
2	Giấy siêu âm Sony	cuộn	50	Giấy in siêu âm sử dụng cho máy in nhiệt của các dòng máy in nội soi, siêu âm. - Chất liệu giấy tốt có độ tin cậy cao, sắc nét bám màu tốt, không lem nhòe.
3	Lam kính	hộp	5	Loại thông dụng, bằng thủy tinh (25x76)mm
4	Ống nghiệm chống đông Heparin	ống	2,000	Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt spong, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định.
5	Ống lưu bệnh phẩm có nắp xoay phi 10-2ml	cái	1,000	Ống lưu bệnh phẩm 2ml phi 10 là ống nhựa nhỏ, có nắp xoay kín, dùng để chứa và bảo quản mẫu bệnh phẩm. Chất liệu bền, chịu lạnh, đảm bảo an toàn và không rò rỉ khi vận chuyển hoặc lưu trữ
III Vật tư chuyên khoa chuẩn đoán hình ảnh				
1	Phim X quang 20x25cm	tấm	3,000	Thành phần chính: Polyethylene terephthalate (PET) (80-90%), Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol- polyvinyl acetate terpolymer (1-5%), Docosanoic acid, muối bạc (+1) (1- 5%), Cellulose, acetate butanoate (< 5%). Phim SD-S được thiết kế đặc biệt dành riêng cho máy in phim khô lazer

2	Phim X quang 25x30cm	tấm	4,500	Kích thước: 25x30cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với máy in phim DryPix . Sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. Độ dày phim
IV Sinh phẩm y tế và test thử				
1	Test XN Morphin	test	2,000	Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MOP-BSA. Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml. - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL: 4-Acetamidophenol, N-Acetylprocainamide, Ampicillin, Aspartame. Đọc kết quả tại 5 phút
2	Test nước tiểu	test	1,000	Que thử nước tiểu 10TS Dirul Phát hiện 10 chất cần phân tích quan trọng trong nước tiểu của người : Urobilinogen, Bilirubin, Kentone, Blood, Protein, Nitrite, Leukocytes, glucose, specific Gravity và pH
V Vật tư hóa chất dùng trong chuyên khoa YHCT				
1	Điều ngải	cái	200	Ngải nhung đặc chế. Hương liệu dược thảo, các tinh dược bí truyền Cở trung
2	Kim châm cứu số 0.25x25mm	cái	20,000	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, đốc kim được cuốn bằng thép, các vòng quấn tròn đều, không có gờ ráp. Kích thước: 0.25x25mm
3	Miếng dán máy điện xung	miếng	10	Dính tốt, không kích ứng da Dùng cho máy massage xung điện
VI Vật tư hóa chất dùng trong chuyên khoa Răng				
1	Etching trám răng	tuýp	2	Gel Acid phosphoric 37% dùng xoi mòn bề mặt men ngà. Màu xanh đặc trưng giúp dễ phân biệt và làm sạch. Độ nhớt của etching phù hợp để kiểm soát trong quá trình sử dụng. Tuýp 5ml
2	Bonding	lọ	1	Vật liệu ưu nước, đảm bảo vật liệu có thể thấm xuyên qua các sợi collagen và ống ngà đồng thời giữ ẩm bề mặt ngà răng. Chỉ cần phủ đều 1 lần lên bề mặt Quy cách đóng gói: Lọ 6 gam Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương
3	Canxihydroxit	tuýp	5	Canxium hydroxide dạng tuýp, đông cứng dưới đèn cực tím. Tuýp 1.2ml ($\geq 1g$)
4	Cavinton 30g	lọ	2	Cavinton là loại vật liệu phục hồi tạm thời bằng thủy lực được sử dụng làm vật liệu trám tại thời cho các xoang răng tiêu chuẩn và sau khi điều trị nội nha
5	Châm gai	vi	5	Vật liệu thép không gỉ. Các số 15,20,25,30. Vi ≥ 10 cây
6	Chổi cước đánh bóng răng	cái	100	Công dụng đánh bóng cao vôi, làm sạch bề mặt răng khi chuẩn bị gắn/dán với các vật liệu khác. Chổi cước có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần.
7	Composite denfil đặc hq A3	tuýp	2	Cao su lỏng ELite HD+ Light Thành phần bao gồm: 1 tuýp chất nền 90ml, 1 tuýp chất xúc tác 90ml, dạng lỏng, độ bền và chính xác cao. *Tỷ lệ pha trộn 1:1 trộn tay và dùng súng *Tổng thời gian làm việc 5'30" *Thời gian trộn: 2" *Thời gian đông trong miệng 3'30" *Màu xanh da trời
8	Composite A1,A2,A3/ lỏng	tuýp	10	Cao su lấy dấu loại nặng, trùng hợp bình thường. Elite HD+ là một silicone bổ sung kết hợp các tác động của công nghệ nano với khả năng thấm nước cao, do đó đảm bảo lấy dấu hiệu quả trong nhiều trường hợp lâm sàng. Hộp/ 2 ống/ 250ml *Tỷ lệ trộn 1:1 *Tổng thời gian làm việc 5'30" *Thời gian trộn: 2' *Thời gian đông trong miệng 3'30" *Màu cam nhạt"
9	Côn giấy thấm hút ống tủy dùng trong nha khoa, số 20	hộp	10	Cone giấy có vạch số 25 (Hộp/200 cái) - Paper Points Quy cách đóng gói: Hộp 200 cái
10	Côn phụ A	hộp	5	Que cao su nhỏ, dùng trong trám bít ống tủy ở nha khoa. Nó giúp lấp kín các khe trống giữa các côn chính, đảm bảo ống tủy được trám kín hoàn toàn, ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập trở lại

11	Chất hàn ống tủy (Cortisolomol)	hộp	1	Xi măng hàn kín ống tủy vĩnh viễn sử dụng cho người trưởng thành với thành phần Prednisolone axetat 1,1%, Diiodothymol; Kẽm oxit; Bari sunfat; Chất Magiê Stearate; kẽm axetat; silic. Độ hòa tan và phân hủy $\leq 3\%$. Thời gian đông kết 15 phút.
12	Eugenol	lọ	1	Eugenol tinh khiết dùng để làm dịu cơn đau nhức, dùng là thuốc băng ống tủy hoặc kết hợp với các loại bột thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Zinc oxide + eugenol có thể dùng trám tạm, hoặc cement trám bít tủy
13	Giấy cản	hộp	1	Giấy cản có màu xanh và đỏ dùng để đánh dấu tình trạng khớp cắn của răng tự nhiên, răng giả và các loại phục hình khác
14	Gương nha khoa	cái	30	Chất liệu khung viền bằng thép không gỉ. Bề mặt gương 22mm
15	Kim gây tê nha khoa	hộp	1	Kim gây tê nha khoa - Mũi bằng chất liệu thép không gỉ. Phần ống bằng silicone, trục nhựa có ren, đảm bảo không có kim loại tiếp xúc với nhau. Có chỉ dẫn hướng tiêm bằng ký hiệu
16	Lentulo	vi	8	Dùng đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng trong nha khoa,
17	Mũi khoan kim cương nha khoa	cái	100	Dùng trong nha khoa. Chất liệu: thân mũi khoan bằng thép không gỉ, phần làm việc phủ kim cương, hạt kim cương có nhiều mức độ: mịn, thô. Mũi khoan tương thích với tay khoan tốc độ nhanh 04 lỗ. Dùng để tạo xoang trám, điều chỉnh miếng trám sau khi trám xong, mài củi răng, tiêu phẫu răng. Tổng chiều dài của mũi khoan: có đủ các cỡ 19mm, 21mm, 25mm. Phần tác dụng: tối thiểu 50 loại (ít nhất phải có các hình dạng cơ bản sau: tròn, trụ đầu bằng, trụ nhọn, trụ thuôn, ngọn lửa, búp lửa). Độ thô: nhiều độ thô mịn khác nhau. Có hàng mẫu thực tế để lựa chọn hình dạng, kích cỡ mũi khoan cụ thể (catalogue) trước khi đặt hàng. Không bị hư hỏng, không bị rỉ sét khi ngâm rửa với hóa chất khử khuẩn và hấp diệt khuẩn.
18	Ống hút nước bột	túi	30	Được làm từ vật liệu nhựa cao cấp với độ linh hoạt, khả năng lọc và lực hút tối ưu mà vẫn giữ nguyên hình dạng. Đầu hút mềm, nhẵn cho sự thoải mái, an toàn khi sử dụng.
19	Trâm Protaper tay	hộp	10	Dụng cụ nội nha dùng để tạo hình và kết thúc tạo hình trong điều trị nội nha, tương thích với cone chính gutta percha F1, F2, F3.
20	Thuốc tê nha khoa Medicaine 2% - Hộp 100 ống	hộp	2	Trong các trường hợp bệnh nhân có mong muốn giảm đau, sẽ được gây tê để tiến hành các thủ thuật hay phẫu thuật nhỏ,
21	Thám trám	cái	20	Thám trám được làm bằng thép không gỉ. Hai đầu dài, một đầu công và 1 đầu nghiêng, nhọn và sắc bén,
22	Fuji II 15 g	hộp	1	Gồm 15g powder, 10g liquid, là vật liệu dùng để trám răng, điều trị sâu răng, hàn trước xoang I, II, cổ răng
23	Gấp nha khoa	cái	20	Chất liệu bằng thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
24	Mũi lấy cao răng	cái	5	Làm bằng thép không gỉ. - Có thể hấp diệt trùng được
VII Hóa chất xét nghiệm sinh hóa				
1	Hóa chất xét nghiệm Axit Uric	ml	500	Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Phototron - Xuất xứ: Prestige Diagnostics/ Anh Quốc • Thành phần chính: DHBS, 4-aminoantipyrine, peroxidase (botanical), uricase (microbial), stabilizers, and preservatives. • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
2	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol toàn phần (máu)	ml	4,000	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol Thành phần: R1: - Good's Buffer 50 mmol/l - Phenol 5 mmol/l - 4 aminoantipyrine 0.3 mmol/l - Cholesterol esterase ≥ 200 U/l - Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l - Peroxidase ≥ 3 kU/l Qui cách: Hộp (R: 10x44 ml) Tiêu chuẩn: ISO, CE
3	Hóa chất xét nghiệm Creatinin (máu)	Hộp	2	Mục đích sử dụng: định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương người. -Thành phần: R1: sodium hydroxide ≤ 450 mmol/l; carbonate buffer ≤ 150 mmol/l. R 2: picric acid ≤ 38.8 mmol/l. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.

4	Hóa chất xét nghiệm Glucose (máu)	ml	4,000	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose Thành phần: R1: - Phosphate buffer 250 mmol/l - Glucose oxidase > 25 U/ml - Peroxidase > 2 U/ml - Phenol 5 mmol/l - 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l Qui cách: Hộp (R: 10x44 ml) Tiêu chuẩn: ISO, CE
5	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid (máu)	ml	2,000	Mục đích sử dụng: định lượng Triglycerid trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: buffer PIPES (pH 7.0) 40 mmol/l; 4-aminoantipyrine (4-AA) 0.4 mmol/l; ATP 1.5 mmol/l; Mg ²⁺ 1.6 mmol/l; ADPS 0.6 mmol/l; glycerol kinase (GK) > 66.67 μ kat/l; glycerol-3-phosphate; oxidase (GPO) > 60.00 μ kat/l; peroxidase (POD) > 20.00 μ kat/l; lipoprotein lipase (LPL) > 16.67 μ kat/l - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ure trong máu	ml	500	"Thuốc thử xác định định lượng Urea trong máu. Phản ứng tuyến tính tới nồng độ 300 mg/dL (49.95 mmol/L). Độ nhạy của phép thử ở giới hạn phát hiện là 3.0 mg/dL (0.50 mmol/L).
7	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ ALT (GPT)	ml	4,000	Hóa chất xét nghiệm dùng đo hoạt độ ALT(GPT) trong máu
8	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa (AST-GOT)	ML	4,000	Hóa chất xét nghiệm dùng đo hoạt độ AST(GOT) trong máu
9	Hóa chất chuẩn Máy sinh hóa	hộp	2	Hóa chất chuẩn máy sinh hóa (hay còn gọi là hóa chất hiệu chuẩn hoặc chất kiểm chứng) là các dung dịch hoặc chất chuẩn có nồng độ các thành phần sinh hóa đã biết, dùng để hiệu chỉnh và kiểm tra độ chính xác của máy xét nghiệm sinh hóa, đảm bảo kết quả xét nghiệm đo lường nồng độ các chất trong mẫu bệnh phẩm là chính xác và đáng tin cậy.
10	Huyết thanh kiểm tra (mức cao)	Lọ	18	Huyết thanh đông khô được dùng để kiểm tra các giá trị mức bất thường đa thông số dựa trên huyết thanh người. Xác định cho các thông số sau: Total Acid Phosphatase, Non-Prostatic Phosphatase, Albumin, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α -Amylase Total, α -Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, BUN, Calcium, Chloride, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDLCholesterol, Cholinesterase, CK-NAC, Copper, Creatinine, GGT, Glucose, GLDH, IgA, IgG, IgM, Iron, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Lithium, Magnesium, Phosphate inorganic, Potassium, Sodium, Total Protein, Triglycerides, TIBC, Urea, Uric Acid, Zn Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Quy cách: 1x5m
11	Huyết thanh kiểm tra (mức bình thường)	Lọ	18	Vật liệu kiểm soát đông khô được dùng để kiểm tra các giá trị mức thường đa thông số dựa trên huyết tương người. Xác định cho các thông số sau: Total Acid Phosphatase, Albumin, Aldolase, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α -Amylase total, α -Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, BUN, Calcium, Chloride, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDLCholesterol, Cholinesterase, CK-NAC, Copper, Creatinine, GGT, Glucose, GLDH, HBDH, IgA, IgG, IgM, Iron, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Lithium, Magnesium, Phosphate inorganic, Potassium, Sodium, Total Protein, Transferrin, Triglycerides, TIBC, Urea, Uric Acid, Zn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. - Quy cách: Lọ 5ml
12	Bóng đèn halogen máy sinh hóa tự động	cái	4	Bóng đèn 12V/20W sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động BS-430
13	Cuvet nhựa máy sinh hóa tự động	hộp	2	Nhựa, 100c/hộp (1x1x4.5 cm; thành ống cuvet dày 0.1 cm)
VIII	Máy xét nghiệm huyết học Nihon Kohden Celltac Alpha			

1	Chất pha loãng hồng cầu	Can	5	Sử dụng phù hợp, tương thích với máy phân tích huyết học XP-100, Sysmex
2	Chất phá vỡ hồng cầu	Lọ	5	Là một thuốc thử ly giải hồng cầu, được sử dụng để xác định chính xác số lượng bạch cầu, phân tích sự phân bố theo kích thước của 3 thành phần bạch cầu và đo hàm lượng hemoglobin. Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/L và sodium chloride 0.6g/L. tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 500ml
3	Dung dịch rửa máy huyết học đậm đặc	Lít	15	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học. Độ pH: 10 đến 13 Thành phần: Sodium hypochlorite Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016
4	Dung dịch rửa thường máy huyết học	Can	5	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8,0 đến 8,6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0,069% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày
5	Mẫu máu chuẩn (trung bình)	Lọ	12	Cung cấp thông tin kỹ thuật về các chỉ số công thức máu, bao gồm số lượng hồng cầu (RBC), thể tích khối hồng cầu (HCT), nồng độ hemoglobin (HGB) và thể tích trung bình hồng cầu (MCV).
6	Mẫu máu chuẩn (mức cao)	Lọ	12	Mẫu máu chuẩn có thông tin kỹ thuật được xác định bằng cách so sánh các chỉ số trong kết quả xét nghiệm với các khoảng tham chiếu bình thường của nam, nữ
IX	Hóa chất xét nghiệm huyết học sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Sysmex XP - 100			
1	Dung dịch pha loãng	Thùng	5	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học tự động. Sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu.
2	Dung dịch ly giải hồng cầu	Thùng	5	Dung dịch ly giải để phá vỡ hồng cầu - Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/l và sodium chloride 0.6g/l. - Lọ 500mL - Tiêu chuẩn ISO 13485
3	Dung dịch kiểm rửa hệ thống	Hộp	5	Chủng loại (Model)/Mã sản phẩm: 83401621 Công dụng: Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học. Bảo quản ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium hypochlorite 5% Sử dụng được cho máy Sysmex XP-100 Chất lượng: ISO 13485 HSD \geq 2/3 thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng
4	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học (mức cao)	Hộp	12	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị \geq 54 thông số Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, và hồng cầu lưới (RET) và hồng cầu nhân (NRBC) Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C Thành phần: bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Quy cách: Lọ \geq 3mL"
5	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học (mức bình thường)	Hộp	12	Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức bình thường. Thành phần: hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu mô phỏng và chất bảo quản. Quy cách đóng gói (4 lọx4ml)

Ghi chú:

Nhà thầu dự thầu hàng hóa theo yêu cầu có đặc tính thông số kỹ thuật quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn so với E-HSMT (**tên và mã hiệu nếu có chỉ mang tính chất tham khảo**), trường hợp hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn thì nhà thầu phải có tài liệu chứng minh và đảm bảo hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng tương đương với các hàng hóa yêu cầu. "Tương đương" có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu trên.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Bên mua hoặc đại diện của bên mua có quyền kiểm tra để khẳng định hàng hóa có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng hay không. Trường hợp phát hiện hàng kém chất lượng, không đúng với hàng hóa chào thầu hoặc không đáp ứng yêu cầu chuyên môn thì đơn vị thụ hưởng có quyền từ chối nhận hàng, nhà thầu phải có trách nhiệm cung ứng hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn nhà thầu đã chào.

Nội dung kiểm tra:

Bước 1: Khi hàng hóa được chuyển đến bên mua, bên bán báo cho bên mua biết để hai bên cùng nhau tiến hành kiểm tra các hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa theo hợp đồng đã ký kết.

Bước 2: Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra thử nghiệm hàng hóa dưới sự giám sát của chủ đầu tư và cán bộ kỹ thuật đại diện của chủ đầu tư để chứng minh hàng hóa đó có chất lượng, thử nghiệm đặc điểm kỹ thuật ... phù hợp với các quy định trong hợp đồng.

- Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Cách thức xử lý đối với hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm: Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ..., thì chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối, mọi chi phí thay thế hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm, các hàng hóa thay thế phải đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

Bước 3: Sau khi thử nghiệm hai bên tiến hành nghiệm thu hàng hóa và đưa vào sử dụng. Hàng hóa được chuyển sang nghĩa vụ bảo hành ngay sau khi các bên thống nhất nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

